

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Xuân Hiếu;
2. Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị HTTD; địa chỉ: Số nhà 7/22 phố A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh PKT; địa chỉ: Số nhà 7/22 phố A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị HTTD trình bày:

Chị HTTD và anh PKT kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng vào năm 2008. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu, hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, cách sống dẫn đến không còn tôn trọng nhau nên đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2018. Nay, chị HTTD cho

rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh PKT theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con là D, sinh ngày 26/3/2016. Ly hôn, chị HTTD có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị HTTD không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại các bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh PKT trình bày:

Anh PKT và chị HTTD kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn và quá trình chung sống, giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như chị HTTD đã trình bày. Nay chị HTTD yêu cầu giải quyết ly hôn, anh PKT cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên đồng ý ly hôn với chị HTTD và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con là D, sinh ngày 26/3/2016 hiện đang sống cùng anh PKT nhưng do con còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên anh đồng để chị HTTD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh PKT không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị HTTD ly hôn anh PKT. Về con chung: Giao con D cho chị HTTD trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị HTTD và anh PKT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị HTTD phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị HTTD kết hôn với anh PKT vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên quan hệ hôn nhân giữa chị HTTD và anh PKT là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị HTTD cho rằng quá trình chung sống giữa chị và anh PKT có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về cách sống nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay, không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Trong khi đó, anh PKT cũng xác nhận giữa anh và chị HTTD có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn và đồng ý giải quyết ly hôn với chị HTTD theo quy định của pháp luật. Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị HTTD và anh PKT đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị HTTD yêu cầu ly hôn với anh PKT là có căn cứ, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các bên, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của chị HTTD: Cho chị HTTD ly hôn anh PKT.

[4] Về con chung: Chị HTTD và anh PKT có 01 con là D, sinh ngày 26/3/2016. Ly hôn, chị HTTD có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên. Anh PKT đồng ý để chị HTTD nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con D cho chị HTTD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các bên, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con, các bên tự thỏa thuận thực hiện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị HTTD và anh PKT không yêu cầu Tòa án phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị HTTD phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị HTTD ly hôn anh PKT.

2. Về con chung: Giao con D, sinh ngày 26/3/2016 cho chị HTTD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị HTTD phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007766, ngày 30/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị HTTD đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hoặc ngày bản án được niêm yết nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, quận C;
- (GCN kết hôn số 69, quyển số 01, ngày 10/9/2008);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Hữu Hường